

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **AutoCAD (Điện) (228288) - Nhóm 02**

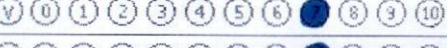
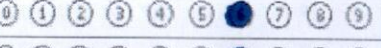
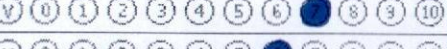
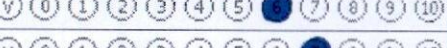
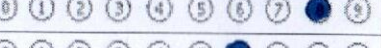
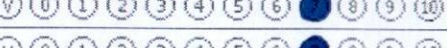
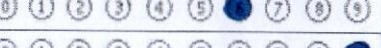
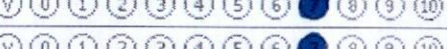
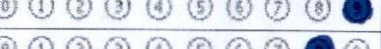
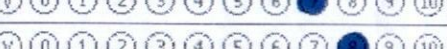
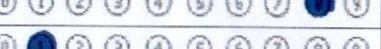
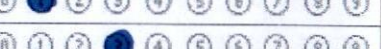
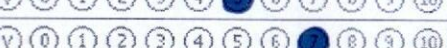
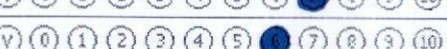
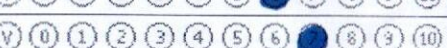
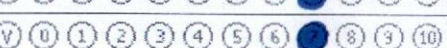
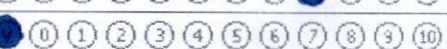
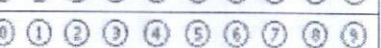
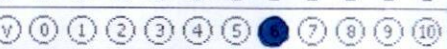
CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt: ...22.....

Số bài thi: ...22.....

Số tờ giấy thi: ...22.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121050058	PHẠM TIẾN CƯỜNG	21/01/2003	CCQ2105B				5,5	7,5	6,7		
2	2119050038	HỒ DUY ĐÔNG	05/07/2001	CCQ1905B				7,5	5,5	6,3		
3	2121050041	NGUYỄN ĐỨC	20/04/2003	CCQ2105B				6,5	6,0	6,2		
4	2121050071	PHAN MINH ĐỨC	27/05/2003	CCQ2105B				7,0	8,0	7,6		
5	2121050057	HÒA NGỌC HẢI	22/02/2002	CCQ2105B				7,0	8,0	7,6		
6	2120050007	TRẦN MẬU HÒA	01/09/2002	CCQ2005A				6,5	7,0	6,8		
7	2121050049	ĐÀO TẤN HIỂN	27/09/2003	CCQ2105B				7,0	8,0	7,6		
8	2121050078	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/11/2002	CCQ2105B				7,0	8,5	7,9		
9	2121050038	NGUYỄN HOÀNG HY	13/07/2003	CCQ2105B				7,5	8,0	7,8		
10	2121050042	HỨA HOÀNG KHANG	16/12/2003	CCQ2105B				7,5	8,5	8,1		
11	2121050043	CHÂU QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2105B				5,0	5,5	5,3		
12	2121050061	NGUYỄN HUỲNH ĐĂNG KHÁNH	05/12/2003	CCQ2105B				7,5	8,0	7,8		
13	2121050062	NGUYỄN TỰ LẬP	10/08/2003	CCQ2105B				6,0	6,0	6,0		
14	2121050056	NGUYỄN HOÀI LINH	09/07/2003	CCQ2105B				8,0	8,5	7,8		
15	2121050047	TRƯƠNG THÀNH LINH	27/05/2000	CCQ2105B				7,5	7,5	7,5		
16	2121050055	NGUYỄN VĂN LƯU	19/04/2003	CCQ2105B								
17	2121050051	NGUYỄN GIA MÃN	30/10/2003	CCQ2105B								
18	2121050065	TRỊNH VĂN MINH	17/10/2003	CCQ2105B				5,5	7,0	6,4		
19	2121050036	LÊ THANH NAM	19/05/2003	CCQ2105B								
20	2121050076	NGUYỄN HOÀI NAM	10/07/2003	CCQ2105B				6,0	8,0	7,2		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 - Năm học 2022 - 2023

Môn học: **AutoCAD (Điện) (228288) - Nhóm 02**

CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121050063	ĐỖ DUY NGỌC	14/11/2003	CCQ2105B				5,0	7,0	6,2	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
22	2121050040	NGUYỄN TRƯỜNG ĐÌNH NGUYỄN	20/04/2003	CCQ2105B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
23	2121050039	ĐẶNG ĐỨC PHÚ	07/07/2003	CCQ2105B				6,5	8,0	7,4	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
24	2121050064	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	23/04/2003	CCQ2105B				7,0	8,0	7,6	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☒ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
25	2121050066	ĐOÀN NGỌC QUẾ	29/09/2003	CCQ2105B				6,5	7,0	6,9	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☒ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
26	2121050060	LÊ VĂN QUYẾT	02/01/2003	CCQ2105B				7,5	8,5	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
27	2121050037	CHÂU PHƯỚC SANG	11/11/2003	CCQ2105B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
28	2121050044	TỬ TỊNH TÂM	31/05/2003	CCQ2105B				7,5	8,0	7,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☒ 8 ☐ 9
29	2121050054	ĐÀNG ĐỨC TÂN	17/06/2003	CCQ2105B				6,5	6,0	5,8	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☒ 7 ☐ 8 ☐ 9
30	2121050059	PHẠM QUANG THẮNG	15/04/2002	CCQ2105B				7,5	8,5	8,1	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☒ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
31	2121050052	LÊ MINH THUẬN	13/02/2003	CCQ2105B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
32	2121050053	HUỲNH NGUYỄN TẤN TRUNG	30/01/2002	CCQ2105B				6,0	6,0	6,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
33	2121050048	TRẦN TRUNG TRỰC	01/10/2002	CCQ2105B							☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☐ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9
34	2119050033	PHAN THANH TÙNG	29/05/2001	CCQ1905A				5,0	5,0	5,0	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9 ☐ 10	☒ 0 ☐ 1 ☐ 2 ☐ 3 ☐ 4 ☐ 5 ☐ 6 ☐ 7 ☐ 8 ☐ 9